

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HS-ST

Ngày: 21-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyền

Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Sỹ Quang

2. Bà Phạm Công Định

3. Bà Đỗ Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân (viết tắt là TAND) tỉnh Hải Dương, xét xử công khai vụ án hình sự T3 lý số 24/2018/HSST ngày 05 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Huy G, sinh ngày 22/11/1961;

Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: ngõ 69 đường T, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Trình độ văn hóa: 10/10; Nghề nghiệp: Nghỉ hưu; Con ông Lê Văn C (đã chết) và bà Lê Thị L; Có vợ là Nguyễn Thị Lan D và có hai con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 17/4/2018 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

2. Đoàn Thị T1, sinh ngày 10/02/1966

Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: số 44 đường N, thị trấn G, huyện L, tỉnh Hải Dương; Trình độ văn hóa: 10/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Đoàn Văn T2 và bà Nguyễn Thị H1; Có chồng là Vũ Đình H2 và có hai con, lớn sinh năm 1989, nhỏ năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Huy G (do Tòa án chỉ định): Ông Đoàn Văn H3 – Luật sư văn phòng luật sư Nam Hải thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hải

Dương. Có mặt.

- *Người bị hại:*

+ Ông Nguyễn Gia Đ, sinh năm 1967 và bà Lê Thị H4, sinh năm 1968;
Trú tại: Thôn C, xã D, huyện T, tỉnh Hải Dương.

+ Ông Vũ Bá T2, sinh năm 1972; Trú tại: Thôn Q, xã T, huyện L, tỉnh Hải Dương.

+ Bà Vũ Thị Thúy L, sinh năm 1969; Trú tại: Số nhà 256 đường T, phường N, thành phố H.

+ Bà Đỗ Thị H5, sinh năm 1957; Trú tại: Thôn A, xã G, huyện L, tỉnh Hải Dương.

+ Bà Hồ Thị L; Trú tại: Thôn T, xã X, huyện L, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Lê Hữu T3, sinh năm 1988; Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Hải Dương.

Ông Đ, bà H4, ông T2, bà L, bà H5 có mặt; bà L, anh T3 vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 1992; Trú tại: Thôn C, xã D, huyện T, tỉnh Hải Dương.

+ Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1994; Trú tại: Thôn T, xã X, huyện L, tỉnh Hải Dương.

Chị L2 và chị L2 A đều vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1980; Trú tại: Thôn K, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương.

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; Số 246 đường N, thị trấn G, huyện L, tỉnh Hải Dương.

Chị Y và chị T đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền sử dụng cá nhân, Lê Huy G khi đang là điều dưỡng viên thuộc Bệnh viện đa khoa (viết tắt là BVĐK) huyện Gia Lộc đã dùng thủ đoạn gian dối nói với một số người quen biết là G xin được chỉ tiêu tuyển dụng điều dưỡng viên vào biên chế chính thức của BVĐK tỉnh Hải Dương và Bệnh viện nhi (viết tắt là BVN) tỉnh Hải Dương để họ tin tưởng giới thiệu người khác giao tiền và nhờ G xin việc cho người thân của họ. Sau đó G và Đoàn Thị T1 đã thực hiện các hành vi chiếm đoạt tài sản như sau:

1. Khoảng tháng 7/2015 chị Nguyễn Thị Hải Y có quan hệ quen biết với G đến nhà của G chơi. G nói cho chị Y biết hiện nay G xin được 01 chỉ tiêu biên

chế chính thức tại BVĐK tỉnh Hải Dương, nếu chị Y có người thân tốt nghiệp các trường từ trung cấp y, được trở lên có nhu cầu xin việc thì nộp hồ sơ xin việc và nộp cho G chi phí trọn gói là 320.000.000đ, trong đó đặt cọc trước 150.000.000đ, số tiền còn lại khi nào bệnh viện có quyết định tuyển vào làm việc chính thức thì phải nộp hết cho G, thời gian chờ làm thủ tục xin việc là 10 tháng tính từ khi nộp hồ sơ xin việc và tiền đặt cọc, mức lương hàng tháng được hưởng theo quy định của bệnh viện, nếu sau thời gian trên không xin được việc thì G sẽ có trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền đặt cọc đã nhận. Tin tưởng G nên chị Y nói lại với ông Nguyễn Gia Đ (có con gái là Nguyễn Thị L2 tốt nghiệp trung cấp y được từ năm 2012 chưa xin được việc làm) nội dung G trao đổi với chị. Ông Đ tin tưởng nên đồng ý cùng chị Y đến nhờ G xin việc cho con gái ông. Chiều ngày 15/7/2015, chị Y cùng với ông Đ đi đến nhà G. Ông Đ đặt vấn đề nhờ G xin cho chị Nguyễn Thị L2 vào làm việc tại BVĐK tỉnh Hải Dương. G nói với ông Đ nội dung như đã nói với chị Y. Ông Đ đồng ý đưa cho G 01 bộ hồ sơ xin việc và số tiền đặt cọc là 150.000.000đ. Khi G nhận tiền, chị Y có viết một giấy biên nhận, G ký vào giao lại cho ông Đ quản lý. Nhận tiền đặt cọc, hồ sơ của ông Đ, G chưa liên hệ được với ai, cơ quan nào có thẩm quyền để xin việc cho chị L2. Đến khoảng giữa tháng 4/2016, G gặp Đoàn Thị T1 (là em ruột vợ ông Nguyễn Hữu Thắng, Giám đốc BVĐK tỉnh Hải Dương), G hỏi T1 có xin được người vào làm việc tại BVĐK tỉnh Hải Dương không. Thuý có nói sẽ giúp và để cho chắc chắn không lỡ việc thì nếu ai có nhu cầu xin việc phải nộp cho Thuý hồ sơ xin việc và nộp trọn gói ngay số tiền là 240.000.000đ/người, thời gian chờ làm thủ tục xin việc là từ 01 tháng đến 01 tháng rưỡi, tính từ khi nộp hồ sơ xin việc và nộp tiền, thời gian đầu người xin việc vào làm việc theo chế độ ký hợp đồng lao động được BVĐK tỉnh Hải Dương trả 85% lương, khi nào có đợt thi, tuyển viên chức Thuý sẽ có trách nhiệm lo cho người xin việc được biên chế và được hưởng 100% lương và các khoản phụ cấp, chế độ khác theo quy định của BVĐK tỉnh Hải Dương. Thấy T1 trao đổi như vậy, G nhờ T1 xin cho chị L2 vào làm việc ở BVĐK tỉnh Hải Dương, T1 đồng ý.

Chiều ngày 19/4/2016, ông Đ cùng chị Y đến phòng làm việc của G tại BVĐK huyện Gia Lộc. G thông báo cho ông Đ và chị Y biết là đã hoàn tất thủ tục xin cho chị L2 vào làm việc tại BVĐK tỉnh Hải Dương nhưng phải mất tổng số tiền là 370.000.000đ và yêu cầu ông Đ nộp tiếp số tiền 220.000.000đ và hứa hẹn sau khi nộp hết số tiền này, BVĐK tỉnh Hải Dương có quyết định tuyển chị L2 vào làm việc, nếu không xin được việc cho chị L2 thì G có trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền 370.000.000đ đã nhận. Ông Đ đồng ý và giao cho G 220.000.000đ; chị Y có viết một giấy biên nhận tiền, G ký và giao lại giấy cho ông Đ quản lý. Nhận tiền và hồ sơ xin việc của chị L2, G giao hồ sơ xin việc, số tiền 240.000.000đ cho T1 làm hai lần: ngày 19/4/2016 giao 200.000.000đ, ngày 01/8/2016 giao 40.000.000đ, mỗi lần T1 có viết giấy biên nhận tiền. Sau khi nhận

tiền và hồ sơ xin việc do G giao, T1 sử dụng hết vào mục đích cá nhân, không liên hệ với cơ quan nào có thẩm quyền để làm thủ tục xin tuyển dụng cho chị L2 vào làm việc ở BVĐK tỉnh Hải Dương. Đến hết ngày 30/5/2016, không thấy có quyết định tuyển dụng đối với chị L2, G có hỏi T1 thì T1 nói hiện nay để xin người vào làm việc tại BVĐK tỉnh Hải Dương phải chờ đợi mất nhiều thời gian, cho Thuý thêm vài tháng nữa. Cũng trong thời gian này ông Đ cùng chị Y đến gặp G hỏi và yêu cầu G trả lại tiền thì G cứ khất năn.

2. Khoảng cuối tháng 6/2016, bà Vũ Thị Thuý L đến nhà của G chơi. Do cần tiền sử dụng cá nhân, G tự nghĩ và nói cho bà L biết hiện nay G xin được 02 chỉ tiêu tuyển y tá vào làm việc theo biên chế chính thức tại BVĐK tỉnh Hải Dương và BVN Hải Dương, ai tốt nghiệp các trường từ trung cấp y, được trở lên, có nhu cầu xin vào làm thì nộp cho G hồ sơ xin việc và chi phí xin việc với giá trọn gói là 320.000.000đ, trong đó đặt cọc trước từ 100.000.000đ đến 220.000.000đ, số tiền còn lại khi nào bệnh viện có quyết định tuyển vào làm việc chính thức thì nộp hết cho G, thời gian chờ làm thủ tục xin việc là 10 tháng tính từ khi nộp hồ sơ xin việc và đặt cọc, mức lương hàng tháng được hưởng theo quy định của Bệnh viện, nếu sau thời gian trên không xin được việc thì G sẽ có trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền đặt cọc đã nhận. Sau đó bà L gặp bà Đỗ Thị H5 nói có người quen biết đang công tác trong ngành y xin được 02 chỉ tiêu tuyển y tá vào làm việc chính thức tại BVĐK tỉnh Hải Dương và BVN Hải Dương, nếu ai có nhu cầu thì nộp cho bà L hồ sơ xin việc và chi phí, thời gian làm thủ tục xin được việc, mức lương được hưởng như G nói với bà L, nếu sau thời gian trên không xin được việc thì bà L sẽ có trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền đặt cọc đã nhận. Bà H5 gặp và nói với ông Vũ Bá T2 những nội dung như bà L nói với bà H5. Sau đó, do có quan hệ quen biết với bà Hồ Thị L và biết bà L có con gái là Nguyễn Thị Lan Anh đã tốt nghiệp Trung cấp y chưa có việc làm nên ông T2 gặp và trao đổi với bà L nội dung bà H5 đã trao đổi với ông. Bà L đồng ý nhờ ông T2 xin việc cho con gái. Ngày 07/7/2016, bà L đến nhà ông T2 đưa hồ sơ xin việc cho con gái và số tiền 220.000.000đ để ông T2 đặt cọc xin việc. Ngay trong ngày 07/7/2016, thông qua bà H5, ông T2 đưa hồ sơ xin việc của Chị Lan A và số tiền 220.000.000đ cho bà L; bà L đưa hồ sơ và số tiền này cho Lê Huy G, G nhận hồ sơ và tiền, viết giấy biên nhận tiền giao lại cho bà L.

Tiếp đó, ông T2 nói chuyện với anh Lê Hữu T3 (là cháu họ, đã tốt nghiệp trung cấp y tế chưa có việc làm) về nội dung bà H5 trao đổi với ông. Ngày 13/8/2016 anh T3 đến nhà ông T2 đưa hồ sơ xin việc và số tiền 100.000.000đ để ông T2 đặt cọc xin việc; ông T2 đưa hồ sơ xin việc của anh T3 và số tiền 100.000.000đ cho bà H5; bà H5 đưa hồ sơ và số tiền 100.000.000đ cho bà L; bà L đưa hồ sơ và số tiền này cho Lê Huy G, G nhận hồ sơ và tiền, viết giấy biên nhận tiền giao lại cho bà L. Sau đó, G sử dụng cá nhân hết, không liên hệ với cơ

quan nào có thẩm quyền để xin việc cho anh T3 vào làm việc ở BVN Hải Dương.

Giữa tháng 8/2016 G đến gặp Đoàn Thị T1 nhờ xin việc cho chị Lan A, giữa hai người trao đổi nội dung như đã trao đổi khi G nhờ xin việc cho chị L2. T1 đồng ý làm thủ tục xin việc cho chị Lan A, G đưa hồ sơ và số tiền 240.000.000đ cho T1. Số tiền nhận của G, T1 sử dụng hết vào mục đích cá nhân, không liên hệ với cơ quan nào có thẩm quyền để làm thủ tục xin việc cho chị Lan A.

Đến khoảng gần cuối tháng 4/2017, do bà L, ông Đ giục, hỏi G nhiều lần nên G hỏi Thuý. Qua tìm hiểu, T1 biết thời gian này BVĐK tỉnh Hải Dương không tuyển dụng lao động có trình độ trung cấp, mặt khác số tiền G đưa đã sử dụng cá nhân hết, không có tiền trả cho G nên Thuý nói với G, hiện BVĐK tỉnh Hải Dương đã ký hợp đồng tuyển Chị Lan A và chị L2 vào làm việc theo chế độ hợp đồng lao động có thời hạn là 01 năm, sau đó sẽ tổ chức thi tuyển viên chức. Sau đó, T1 mượn một bản hợp đồng lao động có hình dấu, chữ ký giám đốc BVĐK tỉnh Hải Dương của một phụ nữ không quen biết ở khu vực BVĐK tỉnh Hải Dương rồi soạn thành hai bản hợp đồng lao động có nội dung BVĐK tỉnh Hải Dương tiếp nhận chị Nguyễn Thị L2 và Nguyễn Thị Lan A vào làm việc theo chế độ hợp đồng lao động có thời hạn là 01 năm, sau đó in hình ảnh hợp đồng lao động đã chụp rồi cắt phần hình dấu BVĐK tỉnh Hải Dương, chữ ký ông Thắng giám đốc để dán vào bản hợp đồng đánh máy lại, rồi chụp bằng điện thoại gửi cho G qua mạng xã hội Zalo. G xem 02 hợp đồng này thấy ngày tháng năm ký hợp đồng và thời gian thực hiện hợp đồng không ghi liền hỏi Thuý thì Thuý nói khi nào người lao động đến bệnh viện ký hợp đồng thì bệnh viện mới ghi ngày tháng năm và hẹn G bảo chị L2, Chị Lan A ngày 27/4/2017 đến gặp T1 tại BVĐK tỉnh Hải Dương để ký hợp đồng lao động. Sau đó G lần lượt gửi hình ảnh hợp đồng lao động của chị L2 và Chị Lan A vào tài khoản Zalo của chị Y và ông T2, thông báo cho bà Y, ông T2 biết toàn bộ nội dung như Thuý đã nói với G, đồng thời G yêu cầu bà L nộp hết số tiền còn lại để xin việc cho Chị Lan A. Bà L gặp, thông báo cho bà H5; bà H5 thông báo lại cho ông T2; ông T2 thông báo lại cho bà L và được bà L giao cho số tiền 100.000.000đ. Sáng ngày 25/4/2017 ông T2 giao cho bà H5 số tiền 100.000.000đ tại nhà ông T2; sau đó bà H5 giao cho bà L tại nhà bà L. Chiều ngày 25/4/2017, bà L đến nhà của G giao số tiền 100.000.000đ, G nhận tiền và viết giấy biên nhận tiền giao cho bà L có nội dung hẹn bà L sáng thứ 5 ngày 27/4 nhận quyết định của Chị Lan A, nếu không có quyết định thì G phải trả lại bà L số tiền đã nhận là 320.000.000đ. Chiều ngày 27/4/2017, chị Nguyễn Thị L2 và chị Nguyễn Thị Lan A từng người đến gặp Đoàn Thị T1 tại một quán cà phê trong BVĐK tỉnh Hải Dương, T1 đưa cho mỗi người một bản hợp đồng lao động, hình thức và nội dung giống với bản hợp đồng T1 đã gửi vào tài khoản zalo của G, nhưng đại diện BVĐK tỉnh chưa

ký, đóng dấu và nói với chị L2 và Chị Lan A cứ về để T1 liên hệ để ký, đóng dấu khi nào xong sẽ báo cho hai người đi làm. Sau đó, không thấy chị L2, Chị Lan A được đi làm thì ông Đ, bà L hỏi G, G hỏi T1 thì T1 nói chờ thêm ít ngày. Đến khoảng đầu tháng 6/2017, T1 thông báo cho G biết là BVĐK tỉnh không có chỉ tiêu tuyển người và không xin được việc cho chị L2, Chị Lan A; G yêu cầu T1 trả lại tiền, T1 đã trả cho G tổng số tiền đã nhận 480.000.000đ thông qua chị Nguyễn Thị T.

Sau đó, G đã trả cho bà L 190.000.000đ, bà L nhận và trả cho bà H5, bà H5 trả cho ông T2; ông T2 đã trả anh T3 100.000.000đ và thêm tiền của mình trả đủ cho bà L số tiền 320.000.000đ.

Tại Kết luận giám định số 54/KLGD ngày 03/11/2017, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương đã kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Lê Văn Giang, Lê Huy G trên các giấy biên nhận tiền của bà Vũ Thị Thúy L và ông Nguyễn Gia Đ mà Cơ quan điều tra đã quản lý được với chữ viết, chữ ký của bị can Lê Huy G là do cùng một người viết và ký ra. Kết luận giám định số 14/KLGD ngày 17/4/2018, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương đã kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Đoàn Thị T1 trên 02 giấy biên nhận tiền của Lê Huy G với chữ viết, chữ ký của bị can Đoàn Thị T1 là do cùng một người viết và ký ra.

Quá trình điều tra, G đã nộp số tiền 90.000.000đ để khắc phục một phần số tiền đã chiếm đoạt, Cơ quan điều tra đã trả cho ông Nguyễn Gia Đ, ông Vũ Bá T2 mỗi người 45.000.000đ.

Tại phiên tòa: Bị cáo T1 có đơn xin xét xử vắng, bị cáo G thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như tại cơ quan điều tra và xin giảm nhẹ hình phạt. Ông Nguyễn Gia Đ đề nghị xử lý G theo quy định pháp luật, yêu cầu G phải hoàn trả ông 325.000.000đ; bà Vũ Thị Thúy L, bà Đỗ Thị H5 và ông Vũ Bá T2 đều đề nghị xử lý G theo pháp luật, buộc G phải trực tiếp hoàn trả 185.000.000đ cho bà L (là người giao tiền cho G), còn việc bồi hoàn giữa bà L, bà H5 và ông T2, các ông bà tự giải quyết, nếu không tự giải quyết được sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương thực hành quyền công tố, trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX) áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, xử phạt bị cáo G từ 12 năm đến 12 năm 06 tháng tù; áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, x khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, xử phạt bị cáo T1 từ 36 tháng đến 42 tháng tù; đề nghị buộc bị cáo G bồi thường cho ông Đ 225.000.000đ; công nhận thỏa thuận của bà L, bà H5, ông T2, buộc bị cáo G trả cho bà Vũ Thị Thúy L 185.000.000đ và giành quyền khởi kiện cho ông T2 yêu cầu bà H5, bà L bồi hoàn ông trong vụ án dân sự khác nếu họ không tự thỏa thuận

giải quyết được với nhau. Ngoài ra đại diện VKSND tỉnh còn đề nghị xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo G xác định VKSND tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS là có căn cứ nhưng đề nghị HĐXX xem xét việc bị cáo thành khẩn khai báo, đã tích cực bồi thường, hoàn trả cho bà L, ông T2 số tiền 190.000.000đ và nộp 90.000.000đ cho Công an để bồi thường cho ông T2, ông Đ; bị cáo có thời gian dài từ năm 1978 đến 1983 đi bộ đội làm nhiệm vụ quốc tế tại Cam Phu Chia, vì vậy đề nghị HĐXX xem xét, xử phạt bị cáo G mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Lời nhận tội của bị cáo G tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo G và T1 tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2015 đến tháng 4/2017, Lê Huy G nguyên là điều dưỡng đang làm việc tại BVĐK huyện Gia Lộc, bằng thủ đoạn đưa ra các thông tin gian dối là xin được chỉ tiêu tuyển dụng y tá vào biên chế chính thức của BVĐK tỉnh Hải Dương và Bệnh viện nhi tỉnh Hải Dương làm cho chị Nguyễn Thị Hải Y, bà Vũ Thị Thúy L tin tưởng giới thiệu những người có nhu cầu xin vào làm việc và giao tiền cho G; thông qua chị Y, bị cáo G đã hứa xin việc cho con gái ông Đ là chị Nguyễn Thị Lan và thông qua bà T1 Lan, bà H5, ông T2, bị cáo G đã hứa xin việc cho con gái bà L là chị Nguyễn Thị Lan A vào làm việc ở BVĐK tỉnh Hải Dương, hứa xin cho anh Lê Hữu T3 vào làm việc tại BVN Hải Dương và chiếm đoạt 370.000.000đ của ông Nguyễn Gia Đ, chiếm đoạt 320.000.000đ của bà Hồ Thị L và chiếm đoạt 100.000.000đ của anh Lê Văn T3. Tổng cộng số tiền chiếm đoạt là 790.000.000đ. Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2016 đến ngày 27/4/2017, Đoàn Thị T1 không có nhiệm vụ, quyền hạn trong việc tuyển dụng lao động nhưng hứa hẹn và nhận tiền do Lê Huy G đưa để xin việc cho chị Nguyễn Thị Lan và Nguyễn Thị Lan Anh vào làm việc ở BVĐK tỉnh Hải Dương, thông qua G, T1 đã gián tiếp chiếm đoạt của ông Nguyễn Gia Đ và bà Hồ Thị L, mỗi người 240.000.000đ, tổng cộng 480.000.000đ. Hành vi của bị cáo G đã cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS, hành vi của bị cáo T1 đã cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS như VKSND tỉnh Hải Dương truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các

bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng với động cơ tư lợi cá nhân, ý thức coi thường pháp luật vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây thiệt hại trực tiếp về tài sản cho những người bị hại, gây dư luận xấu, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới có tác dụng răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò cũng như các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của từng bị cáo thì thấy: Trong vụ án trên, Lê Huy G đã nói với nhiều người về việc có thể xin được chỉ tiêu vào làm việc tại BVĐK tỉnh và BVN tỉnh Hải Dương, trực tiếp nhận tiền, chiếm đoạt của 03 người bị hại với tổng số tiền chiếm đoạt là 790.000.000đ nên bị cáo phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc nhất. Bị cáo Đoàn Thị T1 nhận số tiền 480.000.000đ từ G, hứa hẹn với G xin việc cho chị L2 và Chị Lan A ở BVĐK tỉnh Hải Dương để G tin tưởng giao tiền, sau khi bị T2 giục, bị cáo T1 đã làm giả hợp đồng tuyển dụng, hẹn chị L2 và Chị Lan A đến BVĐK tỉnh Hải Dương để giả làm thủ tục ký hợp đồng nên bị cáo phải trách nhiệm hình sự về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với số tiền của ông Đ và bà L. Các bị cáo G và T1 đều đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt của những người bị hại khác nhau nên phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường một phần số tiền chiếm đoạt cho những người bị hại- là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS, riêng bị cáo G có thời gian phục vụ trong quân ngũ tại Campuchia nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, bị cáo T1 có bố đẻ là Liệt sỹ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS. HĐXX sẽ xem xét áp dụng các tình tiết này để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo; riêng đối với bị cáo T1 đã hoàn trả toàn bộ số tiền chiếm đoạt, được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, hiện đang bị bệnh hiểm nghèo nên HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS, cho bị cáo hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 174 BLHS.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo G chiếm đoạt của anh Lê Hữu T3 số tiền 100.000.000đ, sau đó thông qua bà T1 Lan, bà H5 và ông T2, bị cáo G đã trả cho anh T3 đủ 100.000.000đ.

Bị cáo G đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Gia Đ 370.000.000đ, quá trình điều tra, G đã nộp cho Cơ quan điều tra 90.000.000đ, Cơ quan điều tra đã trả cho ông Đ 45.000.000đ, nên cần buộc G phải trả cho ông Đ số tiền còn lại là 225.000.000đ.

Bị cáo G đã chiếm đoạt của bà Hồ Thị L 320.000.000đ sau đó cũng thông qua bà Vũ Thị Thúy L, bà Đỗ Thị H5 và ông Vũ Bá T2, bị cáo G đã trả bà L được 90.000.000đ, ông T2 đã bỏ thêm tiền của mình trả cho bà L đủ số tiền 320.000.000đ ; Quá trình điều tra, G đã tự nguyện nộp số tiền 90.000.000đ để Cơ quan điều tra trả cho ông Đ và ông T2 mỗi người 45.000.000đ, vì vậy lẽ ra cần buộc G phải trả số tiền còn lại là 185.000.000đ cho ông T2. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà Thúy L, bà H5 và ông T2 đều thống nhất yêu cầu bị cáo G trả số tiền này cho bà Thúy L vì bà Thúy L là người trực tiếp giao tiền cho G còn quan hệ dân sự về việc hoàn trả giữa bà Thúy L, bà H5 và ông T2 sẽ do các ông bà tự giải quyết, nếu không tự giải quyết được sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Xét đề nghị này của bà Thúy L, bà H5 và ông T2 là tự nguyện, không trái pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về vật chứng: Chiếc điện thoại di động Iphone của Lê Huy G và chiếc điện thoại di động Iphone của Đoàn Thị T1 sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Huy G và Đoàn Thị T1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; Xử phạt, Lê Huy G 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2018.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điểm b, s, x khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 BLHS; Xử phạt, Đoàn Thị T1 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lê Huy G phải hoàn trả cho ông Nguyễn Gia Đ 325.000.000đ (Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Buộc bị cáo Lê Huy G phải hoàn trả cho bà Vũ Thị Thúy L 185.000.000đ (Một trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành những khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

4. Về vật chứng: Tịch thu, phát mại, sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Iphone số Imei 013850007914164 của Lê Huy G và 01 chiếc điện

thoại di động Iphone số Imei 354445068851517 của Đoàn Thị T1 (các vật chứng này lưu trong hồ sơ vụ án).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016.

Bị cáo Lê Huy G và Đoàn Thị T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lê Huy G phải chịu 24.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp pháp.

Trên đây là bản sao đúng của Quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, nghị định thi hành án dân sự, nghị quyết thi hành án dân sự của quyền hành pháp, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thể hiện thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao;
- Trại tạm giam Kim Chi;
- Phòng CSĐT tội phạm về TTXH;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THA dân sự tỉnh Hải Dương;
- Sở TP tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo; Người bào chữa;
- Người bị hại;
- Người có QL&NV liên quan;
- Lưu Tòa; Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Tuyền